

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: ĐỊA LÍ 10

I. TRẮC NGHIỆM

BÀI 9: KHÍ ÁP VÀ CÁC YẾU TỐ KHÍ HẬU

Câu 1: Gió Tây ôn đới có nguồn gốc xuất phát từ

- A. khu áp cao ở hai chí tuyến về phía vùng áp thấp ôn đới.
- B. khu áp thấp ở hai chí tuyến về phía vùng áp thấp ôn đới.
- C. khu áp cao ở hai chí tuyến về phía vùng áp thấp xích đạo.
- D. khu áp thấp ở hai chí tuyến về phía vùng áp thấp xích đạo.

Câu 2: Gió mùa là loại gió

- A. thổi theo mùa.
- B. thổi quanh năm.
- C. thổi trên cao.
- D. thổi ở mặt đất.

Câu 3: Gió nào sau đây thay đổi hướng theo ngày, đêm?

- A. Gió Tây ôn đới.
- B. Gió Mậu dịch.
- C. Gió đất, gió biển.
- D. Gió fơn.

Câu 4: Gió Mậu dịch có tính chất

- A. khô, ít mưa.
- B. ẩm, mưa nhiều.
- C. lạnh, ít mưa.
- D. nóng, mưa nhiều.

Câu 5: Gió mùa thường hoạt động ở đâu?

- A. Đới nóng.
- B. Đới lạnh.
- C. Đới ôn hòa.
- D. Đới cận nhiệt.

Câu 6: Khu vực chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch thường mưa ít do

- A. chủ yếu là gió khô.
- B. không thổi qua đại dương.
- C. thổi yếu.
- D. xuất phát từ áp cao.

Câu 7: Khí áp là sức nén của

- A. không khí xuống mặt Trái Đất.
- B. luồng gió xuống mặt Trái Đất.
- C. không khí xuống mặt nước biển.
- D. luồng gió xuống mặt nước biển.

Câu 8: Các vành đai khí áp nào sau đây là áp cao?

- A. Xích đạo, chí tuyến.
- B. Chí tuyến, ôn đới.
- C. Ôn đới, cực.
- D. Cực, chí tuyến.

Câu 9: Các vành đai khí áp nào sau đây là áp thấp?

- A. Xích đạo, chí tuyến.
- B. Chí tuyến, ôn đới.
- C. Ôn đới, xích đạo.
- D. Cực, chí tuyến.

Câu 10: Vành đai áp nào sau đây chung cho cả hai bán cầu Bắc và Nam?

- A. Cực.
- B. Ôn đới.
- C. Chí tuyến.
- D. Xích đạo.

Câu 11: Khí áp tăng khi

- A. nhiệt độ giảm.
- B. nhiệt độ tăng.
- C. độ cao tăng.
- D. khô hạn giảm.

Câu 12: Tính chất của gió Tây ôn đới là

- A. nóng ẩm.
- B. lạnh khô.
- C. khô.
- D. ẩm.

Câu 13: Đặc điểm của gió mùa là

- A. hướng gió thay đổi theo mùa.
- B. tính chất không đổi theo mùa.
- C. nhiệt độ các mùa giống nhau.
- D. độ ẩm các mùa tương tự nhau.

Câu 14: Các loại gió nào sau đây hoạt động trong phạm vi địa phương?

- A. Gió Tây ôn đới, gió phơn.
- B. Gió Đông cực; gió đất, biển.
- C. Gió đất, biển; gió phơn.
- D. Gió Mậu dịch; gió mùa.

Câu 16: Khí áp giảm khi nhiệt độ

- A. tăng lên.
- B. giảm đi.
- C. không tăng.
- D. giảm nhanh.

Câu 17: Hiện tượng xảy ra khi nhiệt độ giảm là

- A. không khí co lại, tỉ trọng giảm nên khí áp tăng.
- B. không khí nở ra, tỉ trọng giảm nên khí áp

tăng.

C. không khí co lại, tỉ trọng tăng nên khí áp tăng.

D. không khí nở ra, tỉ trọng tăng nên khí áp

tăng.

Câu 18: Khi không khí chứa nhiều hơi nước thì khí áp sẽ

A. giảm do không khí chứa hơi nước nhẹ hơn không khí khô.

B. tăng do mật độ phân tử trong không khí tăng lên.

C. tăng do không khí chứa nhiều hơi nước nặng hơn không khí khô.

D. giữ nguyên do hơi nước và không khí khô bằng nhau.

Câu 19: Gió Mậu dịch ở nửa cầu Bắc thổi theo hướng

A. Đông Bắc.

B. Đông Nam.

C. Tây Bắc.

D. Tây Nam.

Câu 20: Gió mùa có đặc tính nào sau đây?

A. Mùa hạ gió nóng khô, mùa đông gió lạnh ẩm.

B. Mùa hạ gió nóng ẩm, mùa đông gió lạnh

C. Mùa hạ gió mát mẻ, mùa đông gió ẩm áp.

D. Mùa hạ gió nóng bức, mùa đông gió lạnh

Câu 21: Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến sự thay đổi của khí áp?

A. Độ cao.

B. Nhiệt độ.

C. Độ ẩm.

D. Hướng gió.

Câu 22: Phát biểu nào sau đây đúng với sự thay đổi của khí áp?

A. Không khí càng loãng, khí áp giảm.

B. Độ ẩm tuyệt đối lên cao, khí áp tăng.

C. Tỉ trọng không khí giảm, khí áp tăng.

D. Không khí càng khô, khí áp giảm.

Câu 23: Nguyên nhân hình thành gió mùa chủ yếu là do

A. sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa.

B. sự phân bố các vành đai áp xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

C. các lục địa và các đại dương có biên độ nhiệt độ năm khác nhau theo mùa.

D. hoạt động của gió kết hợp với độ cao, độ dốc và hướng sườn núi theo mùa.

Câu 24: Gió đất thổi ra biển vào ban đêm là do

A. ban đêm ở đất liền có gió núi, thung lũng.

B. ban đêm ở biển lạnh hơn đất liền.

C. ban đêm ở đất liền có khí áp cao hơn biển.

D. ban đêm ở đất liền có khí áp thấp hơn

Câu 25: Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự thay đổi của các vùng khí áp cao và khí áp thấp ở lục địa và đại dương theo mùa?

A. Giữa lục địa và đại dương có sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều theo mùa.

B. Các vành đai khí áp phân bố xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

C. Các lục địa và các đại dương có biên độ nhiệt độ năm khác nhau theo mùa.

D. Hoạt động của gió kết hợp với độ cao, độ dốc và hướng sườn núi theo mùa.

Câu 26: Về mùa đông, gió Đông Bắc thổi từ các cao áp phương Bắc về phía nam có tính chất

A. lạnh, khô.

B. lạnh, ẩm.

C. nóng, khô.

D. nóng, ẩm.

Câu 27: Sườn đông dãy Trường Sơn nước ta có gió phơn khô nóng là do nguyên nhân nào sau đây?

A. Có khí áp cao.

B. Gió Mậu Dịch thổi đến

C. Gió khô Tây Nam thổi đến.

D. Ảnh hưởng của địa hình chắn gió.

Câu 28: Dải hội tụ nhiệt đới hình thành từ hai khối khí

A. chí tuyến hải dương và chí tuyến lục địa.

B. chí tuyến hải dương và cận xích đạo.

C. chí tuyến lục địa và cận xích đạo gió mùa.

D. xích đạo ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam.

D. tác động của các loại gió thổi trên bề mặt Trái Đất.

Câu 29: Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến lượng mưa là

A. khí áp, frông, gió, địa hình, thổ nhưỡng.

B. khí áp, frông, gió, dòng biển, địa hình.

C. khí áp, frông, gió, địa hình, sông ngòi.

D. khí áp, frông, gió, dòng biển, sinh vật.

Câu 30: Nơi nào sau đây có mưa nhiều?

A. Khu khí áp thấp.

B. Khu khí áp cao.

C. Miền có gió Mậu dịch.

Câu 31: Trên Trái Đất, mưa nhiều nhất ở vùng

A. xích đạo. B. ôn đới.

Câu 32: Trên Trái Đất, mưa ít nhất ở vùng

A. xích đạo. B. ôn đới.

Câu 33: Vùng chí tuyến có mưa tương đối ít là do tác động của

A. áp cao. B. áp thấp.

Câu 34: Ở những nơi có khu áp thấp lượng mưa thường

A. rất lớn.

C. mưa ít.

Câu 35: Nơi có dòng biển nóng chảy qua thì

A. mưa nhiều. B. trung bình.

Câu 36: Các khu khí áp thấp có nhiều mưa là do

A. Luôn có gió từ trung tâm thổi đi.

C. Không khí ẩm được đẩy lên cao.

Câu 37: Nơi tranh chấp giữa khối khí nóng và khối khí lạnh thường

A. nóng. B. lạnh.

Câu 38: Tại một dãy núi, thường có mưa nhiều ở

A. sườn khuất gió. B. sườn núi cao.

Câu 39: Những địa điểm nào sau đây thường có mưa ít?

A. Khu vực khí áp thấp, nơi có frông hoạt động.

B. Nơi có dải hội tụ nhiệt đới, khu vực áp cao.

C. Sườn núi khuất gió, nơi có dòng biển lạnh.

D. Miền có gió mùa, nơi có gió luôn thổi đến.

Câu 40: Nơi có ít mưa thường là ở

A. xa đại dương.

C. khu vực khí áp thấp.

Câu 41: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với phân bố lượng mưa trên Trái Đất?

A. Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo.

C. Mưa nhiều ở vùng vĩ độ trung bình.

Câu 42: Phát biểu nào sau đây đúng với phân bố lượng mưa trên Trái Đất?

A. Mưa không nhiều ở vùng xích đạo.

C. Mưa không nhiều ở hai vùng ôn đới.

Câu 43: Nhân tố nào sau đây thường gây ra mưa nhiều?

A. Dòng biển lạnh.

C. Gió Mậu dịch.

Câu 44: Các nhân tố nào sau đây thường gây ra nhiều loạn thời tiết rất mạnh?

A. Frông ôn đới, gió Mậu dịch.

C. Gió Mậu dịch, gió Đông cực.

Câu 45: Miền có gió mùa thì có mưa nhiều vì

A. gió luôn thổi từ đại dương đem mưa vào lục địa.

B. gió luôn thổi từ lục địa ra đại dương.

C. gió hay thổi theo mùa và gây mưa lớn liên tục.

D. trong năm có nửa năm là gió thổi từ đại dương vào lục địa.

Câu 46: Phân bố lượng mưa trên các lục địa theo vĩ tuyến 30° Bắc từ Đông sang Tây

A. tăng dần.

B. giảm dần.

C. không giảm.

D. không tăng.

Câu 47: Các khu áp cao thường có mưa rất ít hoặc không có mưa là do

A. có ít gió thổi đến, độ ẩm không khí rất thấp.

D. Miền có gió Đông cực.

C. chí tuyến.

D. cực.

C. chí tuyến.

D. cực.

C. gió mùa.

D. địa hình.

B. trung bình.

D. không mưa.

C. mưa ít.

D. không mưa.

B. Luôn có gió quanh rìa thổi ra ngoài.

D. Không khí ẩm không được bốc lên.

C. khô.

D. mưa.

C. đỉnh núi cao.

D. sườn đón gió.

B. gần đại dương.

D. trên dòng biển nóng.

B. Mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến.

D. Mưa tương đối nhiều ở hai vùng cực.

B. Mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến.

D. Mưa tương đối nhiều ở hai vùng cực.

B. Dải hội tụ nhiệt đới.

D. Gió Đông cực.

B. Dải hội tụ nhiệt đới, frông ôn đới.

D. Gió Đông cực, frông ôn đới.

- B. nằm sâu trong lục địa, độ ẩm không khí rất thấp.
- C. chỉ có không khí khô bốc lên cao, độ ẩm rất thấp.
- D. không khí ẩm không bốc lên được lại chỉ có gió thổi đi.

Câu 48: Khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa thường có lượng mưa lớn là do

- A. gió mùa mùa Đông thường đem mưa đến.
- B. thường xuyên chịu ảnh hưởng của áp thấp.
- C. gió mùa mùa hạ thổi từ biển vào thường xuyên đem mưa đến.
- D. cả gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa Đông đều đem mưa lớn đến.

Câu 49: Nơi nào sau đây có mưa ít?

- A. Giữa các khối khí nóng và khối khí lạnh.
- B. Giữa khu vực áp cao và khu vực áp thấp.
- C. Khu vực có nhiều loạn mạnh không khí.
- D. Khu vực thường xuyên có gió lớn thổi đi.

Câu 50: Những địa điểm nào sau đây thường có mưa nhiều?

- A. Nơi ở rất sâu giữa lục địa, nơi có áp thấp.
- B. Miền có gió Mậu dịch thổi, nơi có áp thấp.
- C. Miền có gió thổi theo mùa, nơi có áp thấp.
- D. Nơi dòng biển lạnh đi qua, nơi có áp thấp.

Câu 51: Một trong những yếu tố quan trọng khiến khí hậu nước ta không khô hạn như các nước cùng vĩ độ ở Tây Á, Tây Phi là do nước ta có

- A. gió mùa, gần biển.
- B. gió Mậu dịch.
- C. gió đất, gió biển.
- D. gió Tây ôn đới.

Câu 52: Các nhân tố làm cho vùng xích đạo có mưa rất nhiều là

- A. áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, dòng biển nóng.
- B. áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, dòng biển lạnh.
- C. dải hội tụ nhiệt đới, frông nóng, gió Mậu dịch.
- D. dải hội tụ nhiệt đới, các núi cao, gió Mậu dịch.

BÀI 12: THỦY QUYỂN, NƯỚC TRÊN LỤC ĐỊA

Câu 1: Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất bao gồm nước ở

- A. biển, đại dương; nước ngầm; băng tuyết; nước sông, suối, hồ.
- B. biển, đại dương; nước trên lục địa; hơi nước trong khí quyển.
- C. sông, suối, hồ; nước ngầm; nước trong các biển và đại dương.
- D. sông, suối, hồ; băng tuyết; nước trong các đại dương, hơi nước.

Câu 2: Nước trên lục địa gồm nước ở

- A. trên mặt, nước ngầm.
- B. trên mặt, hơi nước.
- C. nước ngầm, hơi nước.
- D. băng tuyết, sông, hồ.

Câu 3: Sông nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa thường có nhiều nước nhất vào các mùa

- A. xuân và hạ.
- B. hạ và thu.
- C. thu và đông.
- D. đông và xuân.

Câu 4: Nguồn gốc hình thành băng là do

- A. nhiệt độ hạ thấp ở những nơi núi cao có nguồn nước ngọt.
- B. tuyết rơi trong thời gian dài, nhiệt độ thấp không ổn định.
- C. tuyết rơi ở nhiệt độ thấp, tích tụ và nén chặt thời gian dài.
- D. nước ngọt gặp nhiệt độ rất thấp, tích tụ trong nhiều năm.

Câu 5: Băng hà có tác dụng chính trong việc

- A. dự trữ nguồn nước ngọt.
- B. điều hoà khí hậu.
- C. hạ thấp mực nước biển.
- D. nâng độ cao địa hình.

Câu 6: Nước ngầm được gọi là

- A. kho nước mặn của Trái Đất.
- B. nền tảng nâng đỡ địa hình.
- C. nguồn gốc của sông suối.
- D. kho nước ngọt của Trái Đất.

Câu 7: Nguồn nước ngầm **không** phụ thuộc vào

- A. nguồn cung cấp nước mặt. B. độ mặn của nước biển.
C. đặc điểm bề mặt địa hình. D. sự thấm nước của đất đá.

Câu 8: Nguồn cung cấp nước ngọt ngầm **không** phải là

- A. nước mưa. B. băng tuyết. C. nước trên mặt. D. nước ở biển.

Câu 9: Ở miền khí hậu nóng, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

- A. nước ngầm. B. chế độ mưa. C. địa hình. D. thực vật.

Câu 10: Ở miền ôn đới lạnh, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

- A. địa hình. B. chế độ mưa. C. băng tuyết. D. thực vật. **Câu**

11: Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, nhân tố nào sau đây có vai trò đáng kể trong việc điều hoà chế độ nước của sông?

- A. Nước ngầm. B. Băng tuyết. C. Địa hình. D. Thực vật.

Câu 12: Nhân tố nào sau đây ít ảnh hưởng đến chế độ nước sông?

- A. Chế độ mưa. B. Băng tuyết. C. Địa thế. D. Dòng biển.

Câu 13: Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để sử dụng lâu dài nguồn nước ngọt trên Trái Đất?

- A. Nâng cao sự nhận thức. B. Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.
C. Giữ sạch nguồn nước. D. Phân phối lại nguồn nước ngọt.

Câu 14: Tổng lượng nước sông chịu tác động chủ yếu của các nhân tố là

- A. lượng mưa, băng tuyết, nước ngầm. B. lượng mưa, băng tuyết, các hồ đầm.
C. nước ngầm, địa hình, các hồ đầm. D. nước ngầm, địa hình, thảm thực vật.

Câu 15: Ý nghĩa của hồ đầm đối với sông là

- A. điều hoà chế độ nước. B. giảm số phụ lưu sông. C. nhiều thung lũng. D. tạo địa hình dốc.

Câu 16: Ở miền núi, nước sông chảy nhanh hơn đồng bằng là do có

- A. địa hình phức tạp. B. nhiều thung lũng.
C. nhiều đỉnh núi cao. D. địa hình dốc hơn.

Câu 17: Ở đồng bằng, lòng sông mở rộng hơn ở miền núi chủ yếu là do

- A. bề mặt địa hình bằng phẳng. B. lớp phủ thổ nhưỡng mềm.
C. tốc độ nước chảy nhanh. D. tổng lưu lượng nước lớn.

Câu 18: Yếu tố nào sau đây góp phần chủ yếu làm cho chế độ nước sông điều hoà?

- A. Nước mưa chảy trên mặt. B. Các mạch nước ngầm.
C. Địa hình đồi núi dốc nhiều. D. Bề mặt đất đồng bằng rộng.

Câu 19: Phần lớn lượng nước ngầm trên lục địa có nguồn gốc từ

- A. nước trên mặt thấm xuống. B. nước từ biển, đại dương thấm vào.
C. nước từ dưới lớp vỏ Trái Đất ngấm ngược lên. D. khi hình thành Trái Đất nước ngầm đã xuất hiện.

Câu 20: Việc phá rừng phòng hộ ở thượng nguồn sông, sẽ dẫn tới hậu quả là

- A. mực nước sông quanh năm cao, sông chảy siết.
B. sông sẽ không còn nước, quanh co uốn khúc.
C. mùa lũ nước sông dâng cao đột ngột, mùa cạn cạn kiệt.
D. mực nước sông quanh năm thấp, sông chảy chậm chạp.

Câu 21: Mực nước ngầm trên lục địa ít phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Nguồn cung cấp nước nhiều hay ít. B. Nước từ biển, đại dương thấm vào.
C. Tình trạng của lớp phủ thực vật. D. Địa hình và cấu tạo của đất, đá.

Câu 22: Hai nhân tố chính ảnh hưởng tới tốc độ dòng chảy của sông là

- A. độ dốc và chiều rộng. B. độ dốc và vị trí.
C. chiều rộng và hướng chảy. D. hướng chảy và vị trí.

Câu 23: Sông nằm trong khu vực ôn đới lạnh thường nhiều nước nhất vào các mùa

- A. xuân và hạ. B. hạ và thu. C. thu và đông. D. đông và xuân.

Câu 24: Nguồn cung cấp nước cho sông ở hoang mạc chủ yếu là

- A. nước mặt. B. nước ngầm. C. băng tuyết. D. nước mưa.

Câu 25: Sông ngòi ở miền khí hậu nào sau đây có đặc điểm “sông có lũ lớn vào mùa mưa và cạn vào mùa khô”?

- A. Khí hậu hàn đới. B. Khí hậu xích đạo.
C. Khí hậu nhiệt đới gió mùa. D. Khí hậu cận nhiệt đới khô.

Câu 26: Biện pháp chủ yếu nhất để làm giảm tác hại của lũ trên các sông miền núi là?

- A. Đắp đập ngăn chặn dòng chảy. B. Xây dựng nhiều nhà máy thủy điện.
C. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn. D. Thường xuyên nạo vét lòng sông.

Câu 27: Mực nước lũ của các sông ngòi ở miền Trung nước ta thường lên rất nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Sông nhỏ, dốc, nhiều thác ghềnh.
B. Sông lớn, lòng sông rộng, nhiều phụ lưu.
C. Sông dốc, lượng mưa lớn, tập trung trong thời gian ngắn.
D. Sông lớn, lượng mưa lớn kéo dài trong nhiều ngày.

BÀI 13: NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

Câu 1: Hình thức dao động của sóng biển là theo chiều

- A. thẳng đứng. B. xoay tròn. C. chiều ngang. D. xô vào bờ.

Câu 2: Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là do

- A. mưa. B. núi lửa. C. động đất. D. gió.

Câu 3: Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu là do

- A. gió. B. bão. C. động đất. D. đánh bắt hải sản.

Câu 4: Nguyên nhân chủ yếu gây ra thủy triều là do

- A. sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời. B. sức hút của hành tinh ở thiên hà.
C. hoạt động của các dòng biển lớn. D. hoạt động của núi lửa, động đất.

Câu 5: Dao động thủy triều lớn nhất ở trong trường hợp Mặt Trăng, Mặt Trời, Trái Đất nằm

- A. vuông góc với nhau. B. thẳng hàng với nhau.
C. lệch nhau góc 45 độ. D. lệch nhau góc 60 độ.

Câu 6: Các dòng biển nóng thường hình thành ở khu vực nào của Trái Đất?

- A. Xích đạo. B. Chí tuyến. C. Ôn đới. D. Vùng cực.

Câu 7: Khi Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí như thế nào thì dao động của thủy triều nhỏ nhất?

- A. Thẳng hàng. B. Vòng cung. C. Đối xứng. D. Vuông góc.

Câu 8: Sóng biển là

- A. hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.
B. sự chuyển động của nước biển từ ngoài khơi xô vào bờ.
C. hình thức dao động của nước biển theo chiều ngang.
D. sự di chuyển của nước biển theo các hướng khác nhau.

Câu 9: Độ muối nước biển lớn nhất ở vùng

- A. xích đạo. B. chí tuyến. C. cực. D. ôn đới.

Câu 10: Nhiệt độ nước biển phụ thuộc nhiều nhất vào nhiệt độ của

- A. không khí. B. đất liền. C. đáy biển. D. bờ biển.

Câu 11: Dao động thủy triều trong tháng lớn nhất vào ngày

- A. trăng tròn và không trăng. B. trăng khuyết và không trăng.
C. trăng khuyết và trăng tròn. D. không trăng và có trăng.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các dòng biển trong các đại dương thế giới?

- A. Các dòng biển lạnh thường phát sinh ở hai bên Xích đạo.
B. Có các dòng biển lạnh xuất phát từ khoảng vĩ độ 30 - 40°.
C. Dòng biển nóng và lạnh đối xứng qua các bờ đại dương.

D. Có các dòng biển đối chiều theo gió mùa ở vùng gió mùa.

Câu 13: Sóng thần có đặc điểm nào sau đây?

A. Tốc độ truyền ngang rất nhanh.

B. Gió càng mạnh sóng càng to.

C. Tàn phá ghê gớm ngoài khơi.

D. Càng gần bờ sóng càng yếu.

Câu 14: Người dân sống ven biển thường lợi dụng thủy triều để

A. phát triển du lịch.

B. đánh bắt cá.

C. sản xuất muối.

D. nuôi hải sản.

Câu 15: Nơi có dòng biển nóng và dòng biển lạnh gặp nhau thường hình thành

A. các ngư trường.

B. các bãi tắm.

C. các vịnh biển.

D. các bãi san hô.

II. THỰC HÀNH

Câu 1. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM 2022 TẠI NAM ĐỊNH (Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,1	15,1	22,5	23,9	26,4	30,4	29,9	29,0	28,1	24,8	24,9	17,0

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết trong năm có bao nhiêu tháng có nhiệt độ trung bình cao hơn nhiệt độ trung bình năm? Tính nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ ở Nam Định?

Câu 2. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG TRONG NĂM 2021 TẠI VŨNG TÀU (đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	1,0	0	0	150,9	194,4	129,0	239,1	92,3	193,0	269,5	130,2	0,3

Tính tổng lượng mưa vào mùa mưa ở Vũng Tàu. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Câu 3. Cho biết nhiệt độ ở chân sườn đón gió ẩm là 20°C , nhiệt độ ở chân sườn khuất gió 30°C . Tính độ cao của ngọn núi.

-----HẾT-----